BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2018-2019

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			GS	PGS	TS	ThS	ĐH	CĐ	Khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Tổng số	1111		34	231	766	114			1058	19	34
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành											
a	Khối ngành I											
b	Khối ngành II	16			2	14				16		
	Thiết kế thời trang	16			2	14				16		
c	Khối ngành III	212		2	36	174	2			210		2
	Kế toán	77		1	12	64	1			75	1	1
	Kiểm toán	18		1	4	14				16	1	1
	Quản trị văn phòng	16			2	14				16		
	Maketing	11			3	8				11		
	Quản trị nhân lực	13			6	6	1			12	1	
	Quản trị kinh doanh	54			7	47				54		
	Tài chính ngân hàng	23			2	21				23		
d	Khối ngành IV											
đ	Khối ngành V	532		32	152	350	30			500		32
	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	87		12	32	53	2			71	4	12
	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	42		1	8	32	2			39	2	1
	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	66		5	19	37	10			58	3	5
	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	47		1	8	39				45	1	1
	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	35			7	28				35		
	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	27		2	6	21				24	1	2
	CNKT máy tính	18			5	13				18		
	TT và Mạng máy tính	19		1	6	13				18		1
	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	10		1	2	7	1			9		1
	Khoa học máy tính	35			3	28	4			34	1	
	Hệ thống thông tin	12			3	9				12		
	Kỹ thuật phần mềm	31			4	22	5			31		
	Công nghệ thông tin	28			6	17	5			27	1	

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2018-2019

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
	Khối ngành II					
1	Nguyễn Ngọc Thanh	01/08/1980		GV	Tiến sĩ	Thiết kế thời trang
2	Dương Văn Trình	14/09/1966		GV	Thạc sĩ	Thiết kế thời trang
3	Nguyễn Thị Mai Hoa	30/12/1973	x	GV	Thạc sĩ	Thiết kế thời trang
4	Phan Thị Phương	24/06/1983	x	GV	Thạc sĩ	Thiết kế thời trang
5	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	23/05/1984	x	GV	Thạc sĩ	Thiết kế thời trang
6	Vũ Huyền Trang	02/10/1987	x	GV	Thạc sĩ	Thiết kế thời trang
7	Nguyễn Phương Việt	19/12/1977		GV	Thạc sĩ	Thiết kế thời trang
8	Vũ Thị Hương Lan	27/06/1987	x	GV	Thạc sĩ	Thiết kế thời trang
9	Nguyễn Văn Du	02/01/1980		GV	Thạc sĩ	Thiết kế thời trang
10	Vũ Thu Huyền	28/08/1993		GV	Thạc sĩ	Thiết kế thời trang
11	Lưu Thị Tho	03/02/1972		GV	Tiến sĩ	Thiết kế thời trang
12	Ngô Văn Quang	10/08/1984		GV	Thạc sĩ	Thiết kế thời trang
13	Trần Thanh Tùng	13/03/1985		GV	Thạc sĩ	Thiết kế thời trang
14	Đặng Thị Hiền	02/01/1979	x	GV	Thạc sĩ	Thiết kế thời trang
15	Đỗ Thị Ngọc Lan	07/04/1982	x	GV	Thạc sĩ	Thiết kế thời trang
16	Nguyễn Thị Diệu Hiền	12/07/1986	x	GV	Thạc sĩ	Thiết kế thời trang
	Khối ngành III					
17	Trần Thị Dung	26/07/1964	x	GVC	Thạc sĩ	Kế toán
18	Đặng Ngọc Hùng	21/05/1978		GVCC	PGS. tiến sĩ	Kế toán
19	Phạm Thị Minh Hoa	01/03/1968	x	GVTH	Đại học	Kế toán
20	Hoàng Thị Thanh Huyền	02/01/1972	x	GV	Tiến sĩ	Kế toán
21	Nguyễn Thị Thanh Loan	06/08/1977	x	GV	Tiến sĩ	Kế toán
22	Nguyễn Thị Lan Anh	24/08/1977	x	GV	Tiến sĩ	Kế toán
23	Trương Thanh Hằng	08/03/1979	x	GV	Tiến sĩ	Kế toán
24	Nguyễn Thu Hà	20/02/1977	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
25	Đặng Thị Hồng Hà	19/05/1981	x	GV	Tiến sĩ	Kế toán
26	Đào Thị Nhung	02/05/1983	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
27	Nguyễn Thị Thu Thủy	23/07/1985	x	GV	Tiến sĩ	Kế toán
28	Hà Thu Huyền	12/12/1983	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
29	Trần Thị Thùy Trang	06/03/1984	x	GV	Tiến sĩ	Kế toán
30	Phạm Thu Huyền	24/08/1985	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
31	Trịnh Viết Giang	22/03/1979		GV	Thạc sĩ	Kế toán
32	Bùi Thị Kim Nhiên	24/08/1975	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
33	Lê Thị Thu Hương	29/08/1983	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
34	Lương Thị Hân	15/07/1983	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
35	Mai Thanh Thủy	06/02/1984	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
36	Đặng Thu Hà	27/08/1985	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
37	Đỗ Thị Thanh Vân	06/08/1983	x	GV	Tiến sĩ	Kế toán
38	Trần Thị Hằng	16/10/1987	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
39	Nguyễn Thị Vân	11/11/1987	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
40	Nguyễn Thị Nga	24/03/1986	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
41	Nguyễn Viết Hà	28/05/1985		GV	Thạc sỹ	Kế toán
42	Nguyễn Thị Hồng Duyên	02/07/1988	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
43	Bùi Thị Thu	22/04/1986	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
44	Vũ Thị Thanh Bình	17/11/1988	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
45	Hoàng Thị Hương	05/05/1985	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
46	Nguyễn Thị Hải Ly	20/03/1987	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
47	Nguyễn Thị Kim Hướng	02/12/1988	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
48	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	01/02/1987	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
49	Nguyễn Thị Ngọc Lan	17/05/1988	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
50	Nguyễn Thị Dự	13/02/1988	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
51	Đinh Thị Thanh Hải	12/11/1985	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
52	Trần Thị Thu Huyền	09/07/1988	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
53	Phạm Thúy Hà	26/04/1977	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
54	Vũ Thị Bích Hà	28/03/1977	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
55	Cao Thị Huyền Trang	26/12/1989	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
56	Nguyễn Thị Hồng	25/05/1989	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
57	Nguyễn Thu Hương	24/05/1988	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
58	Nguyễn Thị Thanh Hương	14/09/1979	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
59	Nguyễn Thị Xuân Hồng	01/09/1980	x	GV	Tiến sĩ	Kế toán
60	Đậu Thị Bích Phượng	27/04/1982	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
61	Đào Thu Hà	01/01/1982	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
62	Đậu Hoàng Hưng	10/08/1981		GV	Tiến sĩ	Kế toán
63	Nguyễn La Soa	31/03/1983	x	GV	Tiến sĩ	Kế toán
64	Trần Thị Nga	06/07/1987	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
65	Vương Thị Tuyên	25/05/1988	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
66	Vũ Hoàng Yến	13/12/1990	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
67	Lê Thị Ngọc Mai	02/11/1989	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
68	Nguyễn Phương Anh	15/02/1991	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
69	Nguyễn Thị Mai	27/03/1985	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
70	Nguyễn Thị Mai Lan	08/04/1978	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
71	Nguyễn Thị Kim Dung	20/12/1977	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
72	Trần Thị Kim Ngọc	19/07/1978	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
73	Nguyễn Thị Anh	07/04/1975	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
74	Nguyễn Thị Kim Liên	20/04/1981	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
75	Nguyễn Văn Đức	09/08/1974		GV	Thạc sĩ	Kế toán

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
76	Nguyễn Thị Ngọc Anh	15/01/1979	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
77	Nguyễn Văn Linh	19/03/1989		GV	Thạc sĩ	Kế toán
78	Nguyễn Quốc Cường	30/08/1990		GV	Thạc sĩ	Kế toán
79	Bùi Thị Thanh Bình	04/05/1980	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
80	Phạm Thị Duyên Hải	14/02/1983	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
81	Nguyễn Thị Hiền Nga	20/09/1989	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
82	Nguyễn Sỹ Bình	05/05/1985		GV	Thạc sĩ	Kế toán
83	Nguyễn Thu Hiền	29/07/1987	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
84	Hoàng Thị Thủy Ninh	17/10/1989	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
85	Phạm Thành Trung	17/01/1985		GV	Thạc sĩ	Kế toán
86	Đồng Thị Cúc	15/04/1989	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
87	Nguyễn Thị Hồng Vân	02/05/1981	x	GV	Thạc sỹ	Kế toán
88	Nguyễn Thị Vân	13/02/1988	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
89	Nguyễn Thị Oanh	07/07/1989	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
90	Phạm Thị Thủy	20/03/1988	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
91	Nguyễn Kim Oanh	15/11/1988	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
92	Nguyễn Thị Thư	22/11/1989	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
93	Nguyễn Thị Vân	20/07/1990	x	GV	Thạc sĩ	Kế toán
94	Vũ Đình Tuấn	09/05/1959		GVTHCC	Thạc sĩ	Kiểm toán
95	Nguyễn Thị Hồng Nga	23/11/1979	x	GVCC	PGS. tiến sĩ	Kiểm toán
96	Hoàng Thị Việt Hà	14/01/1977	x	GV	Tiến sĩ	Kiểm toán
97	Phạm Thị Hồng Diệp	16/12/1974	x	GV	Thạc sĩ	Kiểm toán
98	Nguyễn Thùy Dương	01/02/1979	x	GV	Thạc sĩ	Kiểm toán
99	Hà Thị Tuyết	17/07/1985	x	GV	Thạc sĩ	Kiểm toán
100	Cao Hồng Hạnh	29/03/1985	x	GV	Tiến sĩ	Kiểm toán
101	Đặng Thị Luân	29/04/1988	x	GV	Thạc sĩ	Kiểm toán
102	Nguyễn Thị Quế	16/06/1981	x	GV	Thạc sĩ	Kiểm toán
103	Giáp Đăng Kha	22/02/1971		GV	Tiến sĩ	Kiểm toán
104	Trần Thùy Linh	01/11/1989	x	GV	Thạc sĩ	Kiểm toán
105	Nguyễn Thị Thanh Tâm	17/11/1988	x	GV	Thạc sĩ	Kiểm toán
106	Phạm Thị Thu Oanh	06/08/1988	x	GV	Thạc sĩ	Kiểm toán
107	Nguyễn Thị Phương	11/11/1986	x	GV	Thạc sĩ	Kiểm toán
108	Phạm Thu Hà	21/11/1991	x	GV	Thạc sĩ	Kiểm toán
109	Nguyễn Đức Quang	10/07/1981		GV	Thạc sĩ	Kiểm toán
110	Lương Thị Thúy	20/04/1987	x	GV	Thạc sĩ	Kiểm toán
111	Bùi Hương Giang	20/11/1989	x	GV	Thạc sĩ	Kiểm toán
112	Nguyễn Thị Trang Nhung	03/12/1985	x	GV	Thạc sĩ	Marketing
113	Đỗ Thị ánh Nguyệt	30/05/1977	x	GV	Thạc sĩ	Marketing
114	Đỗ Thị Phương Nga	11/05/1988	x	GV	Thạc sĩ	Marketing
115	Vũ Thị Phương Thảo	13/01/1977	x	GV	Thạc sĩ	Marketing
116	Phạm Hồng Nhung	21/03/1990	x	GV	Thạc sĩ	Marketing
117	Đỗ Đức Trung	13/12/1989		GV	Thạc sĩ	Marketing
118	Lê Thùy Hương	31/10/1978	x	GV	Tiến sĩ	Marketing

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
119	Trần Quang Vinh	12/03/1978		GV	Tiến sĩ	Marketing
120	Đào Thị Hà Anh	23/10/1988	x	GV	Thạc sĩ	Marketing
121	Lê Thị Thu Hiền	31/05/1978	x	GV	Thạc sĩ	Marketing
122	Nguyễn Đức Diệp	05/06/1970		GV	Tiến sĩ	Marketing
123	Đặng Thị Hoàng Liên	31/07/1983	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
124	Nguyễn Thị Thanh Thủy	22/02/1979	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
125	Trịnh Thị Phương	19/08/1983	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
126	Lê Việt Anh	25/01/1976		GV	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
127	Thân Thanh Sơn	29/10/1974		GV	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
128	Nguyễn Minh Phương	12/04/1978		GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
129	Nguyễn Quang Huy	12/03/1979		GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
130	Cao Thị Thanh	18/11/1980	x	GV	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
131	Phùng Thị Kim Phượng	02/06/1979	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
132	Nguyễn Thị Vân Anh	27/05/1980	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
133	Mai Thị Châu Lan	15/05/1973	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
134	Nguyễn Thị Phương Liên	09/08/1977	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
135	Lê Thị Hải	03/05/1980	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
136	Hoàng Thị Hương	23/04/1981	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
137	Nguyễn Thị Tuyết	23/03/1981	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
138	Hà Thành Công	28/05/1979		GV	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
139	Nguyễn Thị Phương Anh	02/06/1984	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
140	Nguyễn Mạnh Cường	25/04/1980		GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
141	Lê Thị Loan	17/07/1985	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
142	Nguyễn Thúy Quỳnh	07/07/1987	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
143	Nguyễn Thị Minh Huyền	16/08/1978	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
144	Trần Phương Thảo	16/08/1988	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
145	Nguyễn Thu Hiền	04/07/1988	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
146	Đỗ Hải Hưng	09/10/1988		GV	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
147	Phạm Văn Bằng	01/12/1988		GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
148	Trần Anh Tú	13/08/1982		GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
149	Trần Thị Nga	30/09/1974	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
150	Lý Thị Vân	16/10/1983	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
151	Vũ Đức Hậu	29/10/1978		GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
152	Bùi Thị Thanh Hương	20/07/1981	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
153	Nguyễn Bá Long	05/02/1970		GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
154	Đỗ Văn Hưng	29/12/1979		GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
155	Ngô ánh Tuyết	27/03/1982	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
156	Nguyễn Bích Diệp	20/08/1982	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
157	Phạm Thị Hương Giang	05/11/1985	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
158	Hồ Văn Long	01/01/1989		GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
159	Lê Anh Quang	10/07/1975		GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
160	Nguyễn Đình Vĩnh	25/08/1966		GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
161	Chu Thiên Ngần	22/08/1976		GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
162	Nguyễn Ngọc Hoa	10/10/1981	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
163	Nguyễn Thị Tuyết	02/05/1974	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
164	Nguyễn Thanh Vân	07/04/1984	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
165	Lý Thị Hằng	12/03/1986	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
166	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/11/1981	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
167	Nguyễn Thị Thu Trang	09/06/1987	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
168	Nguyễn Thị Hiền	04/09/1989	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
169	Lê Thị Hoa	01/05/1989	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
170	Phạm Thị Thanh Hằng	13/02/1988	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
171	Nguyễn Thị Hạnh	20/11/1985	x	GV	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
172	Đỗ Thu Huyền	30/10/1988	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
173	Bùi Thị Quyên	01/06/1989	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
174	Nguyễn Thị Thu Hương	01/04/1985	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
175	Vũ Thúy Anh	26/06/1978	x	GV	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
176	Nguyễn Viết Hãnh	09/02/1980		GV	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
177	Nguyễn Văn Hùng	25/10/1959		GVTHCC	Đại học	Quản trị nhân lực
178	Phạm Thị Thu Hiền	30/08/1976	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị nhân lực
179	Bùi Thị Kim Cúc	26/11/1983	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị nhân lực
180	Lê Ba Phong	13/12/1978		GV	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
181	Vũ Huyền Trang	17/09/1986	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị nhân lực
182	Nguyễn Thị Thúy	17/07/1983	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị nhân lực
183	Nguyễn Duy Chức	20/02/1974		GV	Thạc sĩ	Quản trị nhân lực
184	Lê Đức Thủy	23/11/1982		GV	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
185	Cao Văn Trường	15/03/1980		GV	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
186	Trần ánh Phương	15/07/1984	x	GV	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
187	Trần Quang Thắng	11/08/1971		GV	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
188	Hoàng Công Minh	22/10/1981		GV	Thạc sỹ	Quản trị nhân lực
189	Nguyễn Văn Hiển	04/12/1981		GV	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
190	Nguyễn Giang Nam	15/02/1980		GV	Tiến sĩ	Quản trị Văn Phòng
191	Nguyễn Thị Tuyến	20/09/1981	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị Văn Phòng
192	Hà Thị Hồng Mai	09/12/1980	x	GV	Tiến sĩ	Quản trị Văn Phòng
193	Hoàng Anh	10/06/1975		GV	Thạc sĩ	Quản trị Văn Phòng
194	Đỗ Thị Minh Nguyệt	19/05/1984	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị Văn Phòng
195	Đàm Phượng Sào	20/09/1958		GV	Thạc sĩ	Quản trị Văn Phòng
196	Nguyễn Thị Hằng	25/11/1985	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị Văn Phòng
197	Kiều Thanh Uy	09/01/1982		GV	Thạc sĩ	Quản trị Văn Phòng
198	Bùi Thị Thúy	08/02/1978	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị Văn Phòng
199	Nguyễn Thị Sen	21/03/1980	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị Văn Phòng
200	Trần Thị Anh Đào	10/07/1976	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị Văn Phòng
201	Nguyễn Thị Mai	13/03/1978	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị Văn Phòng
202	Nguyễn Thị Thu Hằng	25/04/1972	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị Văn Phòng
203	Đỗ Thị Thanh Lương	21/05/1983	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị Văn Phòng
204	Đặng Thị Trang	20/02/1989	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị Văn Phòng

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
205	Hoàng Minh Tuấn	09/12/1979		GV	Thạc sĩ	Quản trị Văn Phòng
206	Mai Thị Diệu Hằng	02/08/1979	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
207	Trần Thị Lan Anh	16/11/1981	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
208	Nguyễn Thị Nguyệt Dung	27/11/1981	x	GV	Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng
209	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/07/1979	x	GV	Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng
210	Nguyễn Phương Anh	11/07/1986	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
211	Bùi Thị Hạnh	08/07/1982	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
212	Phạm Thị Trúc Quỳnh	14/06/1983	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
213	Trần Thị Hoa	10/07/1986	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
214	Nguyễn Thị Hoa	18/01/1983	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
215	Trần Quang Việt	23/06/1985		GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
216	Dương Thị Hoàn	10/02/1987	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
217	Hà Thị Kim Dung	07/02/1986	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
218	Nguyễn Thị Ngân	25/11/1987	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
219	Nguyễn Chung Thủy	17/10/1981	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
220	Nguyễn Đồng Anh Xuân	04/03/1981		GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
221	Phạm Thu Hà	15/06/1992	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
222	Nguyễn Thị Hoa	11/10/1989	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
223	Lương Thị Thanh	23/08/1988	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
224	Trần Thị Hồng Thu	24/01/1986	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
225	Nguyễn Thanh Hằng	15/01/1987	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
226	Nguyễn Thị Quyên	26/04/1987	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
227	Nguyễn Thị Thắm	06/03/1990	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
228	Nguyễn Hương Giang	13/05/1990	x	GV	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng
	Khối ngành V					
229	Nhữ Quý Thơ	17/02/1978		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
230	Bùi Thanh Lâm	07/10/1982		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
231	Lưu Vũ Hải	21/06/1981		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
232	Chu Khắc Trung	15/12/1978		GV	Tiến sĩ	CN Cơ điện tử
233	Nguyễn Anh Tú	30/03/1979		GV	Tiến sĩ	CN Cơ điện tử
234	Võ Thị Như Uyên	02/09/1980	x	GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
235	Trần Văn Đua	02/04/1979		GV	Tiến sĩ	CN Cơ điện tử
236	Hoàng Xuân Khoa	25/05/1982		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
237	Phan Đình Hiếu	02/08/1983		GV	Tiến sĩ	CN Cơ điện tử
238	Phạm Thị Thiều Thoa	22/06/1985	x	GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
239	Nguyễn Văn Luật	22/12/1980		GV	Tiến sĩ	CN Cơ điện tử
240	Nguyễn Trí Dũng	06/09/1977		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
241	Ngô Văn Tâm	14/01/1985		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
242	Nguyễn Hồng Tiến	01/03/1986		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
243	Lê Ngọc Duy	28/09/1986		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
244	Khổng Minh	24/06/1986		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
245	Trần Anh Sơn	14/09/1986		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
246	Nguyễn Đức Luận	28/08/1984		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
247	Đào Ngọc Anh	23/10/1986		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
248	Nguyễn Văn Trường	08/07/1989		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
249	Nguyễn Tiến Tùng	26/03/1988		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
250	Bùi Huy Kiên	13/11/1988		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
251	Nguyễn Đức Minh	19/06/1984		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
252	Khuất Đức Dương	25/01/1989		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
253	Nguyễn Hồng Sơn	03/05/1978		GV	Tiến sĩ	CN Cơ điện tử
254	Vũ Hoài Bắc	06/01/1971		GVC	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
255	Bùi Sơn Hải	23/06/1973		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
256	Trần Ngọc Tân	19/01/1982		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
257	Lê Quang Lâm	06/04/1969		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
258	Đỗ Hồng Việt	10/08/1974		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
259	Hoàng Vân Nam	20/09/1981		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
260	Trần Trung Hiếu	30/06/1982		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
261	Đỗ Thái Phúc	02/03/1959		GVTH	Đại học	CN Cơ điện tử
262	Nguyễn Trường Giang	30/05/1969		GVC	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
263	Đàm Quang Hưng	08/11/1970		GVTH	Đại học	CN Cơ điện tử
264	Đinh Thị Hải Hà	27/07/1982	x	GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
265	Phạm Đức Cường	17/09/1969		GVCC	PGS. tiến sĩ	CN Cơ điện tử
266	Vũ Tuấn Anh	06/11/1981		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
267	Nguyễn Mạnh Thắng	29/07/1981		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
268	Nguyễn Xuân Thuận	07/02/1989		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
269	Lê Văn Nghĩa	06/10/1991		GV	Thạc sĩ	CN Cơ điện tử
270	Phạm Quang Minh	26/10/1976		GV	Tiến sĩ	CN Cơ điện tử
271	Nguyễn Thị Sinh	11/07/1969	x	GV	Thạc sĩ	CN May
272	Nguyễn Thanh Tùng	03/10/1981		GV	Thạc sĩ	CN May
273	Phạm Thị Quỳnh Hương	19/08/1973	x	GV	Thạc sĩ	CN May
274	Phạm Thị Thắm	12/04/1979	x	GV	Thạc sĩ	CN May
275	Đinh Mai Hương	27/10/1980	x	GV	Thạc sĩ	CN May
276	Nguyễn Trọng Tuấn	08/03/1979		GV	Thạc sĩ	CN May
277	Nguyễn Gia Linh	23/04/1983		GV	Thạc sĩ	CN May
278	Nguyễn Thị Kim Hoà	04/09/1973	x	GV	Thạc sĩ	CN May
279	Đỗ Thị Thủy	24/03/1974	x	GV	Thạc sĩ	CN May
280	Nguyễn Thị Y Ngọc	07/11/1983	x	GV	Thạc sĩ	CN May
281	Nguyễn Thị Loan	29/06/1981	x	GV	Thạc sĩ	CN May
282	Đoàn Thị Thu Thủy	27/12/1975	x	GVTH	Đại học	CN May
283	Phạm Thị Huyền	02/08/1988	x	GV	Thạc sĩ	CN May
284	Nguyễn Thị Mai	05/01/1988	x	GV	Thạc sĩ	CN May
285	Nguyễn Thị Lệ	27/09/1973		GVCC	PGS. tiến sĩ	CN May
286	Nguyễn Văn Thắng	30/03/1983		GV	Tiến sĩ	CN May
287	Phạm Thị Mai Hương	05/07/1976	x	GV	Tiến sĩ	CN Môi trường
288	Phạm Thị Thanh Yên	08/03/1975	x	GV	Tiến sĩ	CN Môi trường
289	Nguyễn Đức Hải	08/03/1980		GV	Thạc sĩ	CN Môi trường

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
290	Trần Đăng Thuần	17/03/1982		GV	Tiến sĩ	CN Môi trường
291	Vương Thị Lan Anh	22/11/1979	x	GV	Tiến sĩ	CN Môi trường
292	Nguyễn Hùng Ngạn	05/11/1980		GV	Thạc sĩ	CN Môi trường
293	Trịnh Hiền Phương	10/10/1983		GV	Tiến sĩ	CN Môi trường
294	Đỗ Thị Cẩm Vân	08/07/1985	x	GV	Tiến sĩ	CN Môi trường
295	Nguyễn Văn Thơm	10/08/1989		GV	Thạc sĩ	CN Môi trường
296	Phạm Hương Quỳnh	01/06/1978		GV	Tiến sĩ	CN Môi trường
297	Lê Thị Phượng	26/02/1975	x	GV	Tiến sĩ	CN Môi trường
298	Lê Đăng Quang	07/06/1979		GV	Tiến sĩ	CN Môi trường
299	Trần Đức Quý	05/06/1962		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Cơ khí
300	Phạm Văn Bổng	23/05/1963		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Cơ khí
301	Nguyễn Văn Tuấn	22/01/1961		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
302	Đinh Hương Liên	04/07/1973	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
303	Nguyễn Kiều Ân	10/04/1979		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
304	Phạm Văn Đông	07/07/1971		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Cơ khí
305	Nguyễn Xuân Trường	04/07/1977		GV	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
306	Bùi Tiến Sơn	15/05/1986		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
307	Nguyễn Huy Kiên	20/05/1981		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
308	Nguyễn Xuân Chung	02/05/1964		GVC	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
309	Nguyễn Văn Thiện	22/09/1978		GV	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
310	Vũ Quý Đạc	24/01/1956		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Cơ khí
311	Hoàng Tiến Dũng	11/06/1980		GV	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
312	Nguyễn Tiến Sỹ	27/07/1977		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
313	Trịnh Văn Long	16/02/1979		GV	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
314	Trần Thị Thu Thủy	06/03/1979	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
315	Nguyễn Thị Thu Hường	30/11/1979	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
316	Nguyễn Văn Tài	01/05/1978		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
317	Nguyễn Thị Thanh Mai	31/07/1977	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
318	Vũ Thị Huệ	10/02/1981	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
319	Nguyễn Quốc Tuấn	22/01/1979		GV	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
320	Nguyễn Trọng Lý	06/08/1979		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
321	Phùng Xuân Sơn	09/12/1976		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Cơ khí
322	Thái Văn Trọng	27/06/1983		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
323	Nguyễn Sơn Định	05/12/1978		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
324	Đào Ngọc Hoành	19/05/1984		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
325	Nguyễn Trọng Mai	06/10/1985		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
326	Đỗ Ngọc Tú	07/12/1980		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
327	Nguyễn Việt Hùng	30/09/1978		GV	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
328	Nguyễn Tuấn Linh	04/11/1980		GV	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
329	Nguyễn Duy Trinh	13/07/1984		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
330	Nguyễn Chí Tâm	26/02/1985		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
331	Nguyễn Minh Quang	30/01/1984		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
332	Đỗ Minh Hiền	25/03/1988		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
333	Nguyễn Văn Tuân	14/03/1987		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
334	Lê Đăng Hà	16/09/1976		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
335	Lê Thị Phương Thanh	04/08/1983	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
336	Nguyễn Mai Anh	26/04/1987		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
337	Trần Nguyên Quyết	10/07/1989		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
338	Phạm Văn Trinh	20/05/1986		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
339	Dương Văn Đức	14/02/1967		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
340	Trần Quốc Hùng	21/04/1972		GV	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
341	Trương Chí Công	09/04/1978		GV	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
342	Nguyễn Hoài Sơn	15/08/1982		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
343	Đăng Văn Trường	11/06/1989		GV	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
344	Nguyễn Văn Quê	13/10/1986		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
345	Nguyễn Văn Cảnh	30/04/1982		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
346	Nguyễn Văn Quảng	17/05/1983		GV	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
347	Vũ Văn Duy	20/09/1979		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
348	Nguyễn Chí Bảo	06/03/1962		GVC	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
349	Vũ Đình Cứu	23/04/1965		GVTH	Đại học	CNKT Cơ khí
350	Trần Trọng Thắng	03/12/1982		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
351	Đặng Xuân Thao	15/01/1981		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
352	Chu Anh Tuấn	06/11/1983		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
353	Cao Thế Anh	14/05/1981		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
354	Trần Ngọc Hiên	03/01/1963		GVTH	Đại học	CNKT Cơ khí
355	Hoàng Xuân Thịnh	12/08/1979		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
356	Vũ Văn Khiêm	28/04/1972		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
357	Nguyễn Nhật Minh	30/12/1971		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
358	Đặng Tiến Hiếu	03/04/1978		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
359	Nguyễn Văn Thành	29/08/1968		GVC	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
360	Trần Viết Hồi	28/12/1982		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
361	Nguyễn Đình Dục	12/09/1961		GVC	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
362	Nguyễn Văn Đức	05/05/1968		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
363	Vũ Đình Toàn	13/02/1982		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
364	Nguyễn Quang Định	13/05/1987		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
365	Trương Thành Chung	19/06/1976		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
366	Nguyễn Đình Hải	06/09/1981		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
367	Nguyễn Tiến Cần	20/02/1981		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
368	Trần Ngọc Khánh	01/09/1977		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
369	Phạm Văn Hậu	04/05/1974		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
370	Nguyễn Anh Khôi	02/03/1982		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
371	Nguyễn Thanh Tùng	21/01/1966		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí
372	Nguyễn Hữu Phấn	01/05/1981		GV	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
373	Đỗ Đức Trung	12/10/1982		GV	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
374	Đào Thanh Sơn	13/05/1978		GV	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
375	Bùi Tiến Tài	08/08/1992		GV	Thạc sĩ	CNKT Cơ khí

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
376	Phạm Văn Liệu	30/03/1976		GV	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
377	Nguyễn Như Tùng	10/05/1982		GV	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
378	Hoàng Văn Gợt	14/05/1952		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Cơ khí
379	Vũ Khánh Xuân	25/02/1957		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Cơ khí
380	Đào Duy Trung	01/05/1954		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Cơ khí
381	Trần Vệ Quốc	20/10/1954		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Cơ khí
382	Nguyễn Hà Tuấn	26/02/1957		GV	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
383	Nguyễn Viết Tiếp	24/06/1946		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Cơ khí
384	Bùi Ngọc Tuyên	09/09/1965		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Cơ khí
385	Phạm Xuân Khải	23/03/1979		GV	Tiến sĩ	CNKT Cơ khí
386	Lê Văn Thái	23/03/1973		GV	Tiến sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
387	Nguyễn Thị Minh Tâm	03/02/1964	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
388	Lê Thị Trang	16/02/1984	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
389	Nguyễn Tiến Kiệm	12/10/1976		GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
390	Bùi Thị Thu Hà	25/07/1978	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
391	Hà Thị Kim Duyên	12/11/1977	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
392	Trương Thị Bích Liên	13/03/1978	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
393	Nguyễn Thị Thu Hà	08/04/1977	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
394	Phạm Thị Thanh Huyền	25/01/1979	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
395	Hà Thị Phương	12/10/1978	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
396	Trần Xuân Phương	12/09/1975		GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
397	Lê Mạnh Long	28/02/1976		GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
398	Nguyễn Ngọc Anh	31/05/1977		GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
399	Đặng Cẩm Thạch	09/07/1977	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
400	Trần Đình Thông	20/05/1977		GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
401	Vũ Thị Hoàng Yến	20/08/1987	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
402	Phạm Xuân Thành	15/12/1987		GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
403	Lê Anh Tuấn	27/06/1989		GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
404	Nguyễn Thanh Hà	02/12/1972		GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
405	Đỗ Thị Thúy Minh	15/11/1979	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
406	Dư Đình Viên	02/09/1962		GVC	Tiến sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
407	Hoàng Văn Quang	31/08/1973		GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
408	Trần Hữu Toàn	20/05/1984		GV	Thạc sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
409	Nguyễn Đắc Hải	20/09/1975		GV	Tiến sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
410	Trần Trọng Minh	19/05/1979		GV	Tiến sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
411	Trần Hồng Quân	27/09/1948		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
412	Lê Nhật Thăng	31/10/1973		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Điện tử - Viễn thông
413	Nguyễn Lương Thành	16/09/1967		GVTHCC	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
414	Phạm Văn Minh	27/04/1967		GV	Tiến sĩ	CNKT điện-điện tử
415	Đào Thị Lan Phương	29/01/1971	x	GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
416	Phạm Trung Hiếu	24/02/1972		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
417	Đỗ Duy Hợp	28/06/1969		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
418	Phạm Thị Chuyên	05/10/1963	x	GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
419	Vũ Anh Tuấn	10/11/1973		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
420	Nguyễn Quang Huy	12/05/1966		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
421	Mai Thế Thắng	27/11/1976		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
422	Đoàn Đức Thắng	02/07/1979		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
423	Tô Anh Dũng	06/12/1979		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
424	Nguyễn Công Cường	12/10/1980		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
425	Trần Kim Thành	14/08/1980	x	GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
426	Nguyễn Việt Anh	09/09/1980		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
427	Nguyễn Quang Thuấn	27/05/1974		GV	Tiến sĩ	CNKT điện-điện tử
428	Ninh Văn Nam	16/08/1978		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
429	Đỗ Duy Phú	09/09/1978		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
430	Nguyễn Thu Hà	04/05/1977	x	GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
431	Nguyễn Bá Khá	14/07/1978		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
432	Hà Văn Phương	14/01/1978		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
433	Phạm Văn Hùng	18/12/1984		GV	Tiến sĩ	CNKT điện-điện tử
434	Hà Văn Chiến	08/05/1984		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
435	Phí Hoàng Nhã	19/03/1988		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
436	Nguyễn Vũ Linh	26/09/1985		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
437	Võ Thị Cẩm Thùy	05/08/1987	x	GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
438	Phùng Thị Vân	17/08/1986	x	GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
439	Nguyễn Vũ Thắng	17/11/1989		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
440	Nguyễn Văn Hùng	03/12/1988		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
441	Nguyễn Mạnh Quân	27/08/1981		GV	Tiến sĩ	CNKT điện-điện tử
442	Hoàng Mai Quyền	22/10/1987		GV	Tiến sĩ	CNKT điện-điện tử
443	Vũ Thái Giang	13/08/1973		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
444	Nguyễn Đỗ Quang Duy	10/10/1979		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
445	Trần Minh Đường	11/10/1971		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
446	Phạm Thị Lan	26/06/1969	x	GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
447	Đỗ Trung Hiệp	20/01/1981		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
448	Nguyễn Hữu Giang	25/12/1976		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
449	Trịnh Trọng Chưởng	21/11/1976		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT điện-điện tử
450	Đặng Hoàng Anh	07/06/1986		GV	Tiến sĩ	CNKT điện-điện tử
451	Trần Anh Tuân	10/04/1978		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
452	Vi Thị Hằng	13/02/1981	x	GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
453	Nguyễn Đình Tiến	21/12/1986		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
454	Vũ Trường Sơn	31/10/1972		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
455	Nguyễn Đình Bảo	28/09/1973		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
456	Hà Thị Hoài Thu	06/07/1988	x	GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
457	Đặng Đình Chung	08/03/1985		GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
458	Lê Thị Ngọc Oanh	07/12/1986	x	GV	Thạc sĩ	CNKT điện-điện tử
459	Nguyễn Văn Vinh	20/12/1947		GV	Tiến sĩ	CNKT điện-điện tử
460	Đỗ Nguyên Hưng	04/09/1978		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
461	Vũ Hữu Thích	01/06/1969		GV	Tiến sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
462	Vũ Thị Lệ Hằng	04/11/1972	x	GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
463	Phạm Văn Cường	06/10/1979		GV	Tiến sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
464	Nguyễn Đức Quang	15/08/1979		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
465	Nguyễn Đăng Khang	16/11/1977		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
466	Nguyễn Thị Minh Hiền	22/11/1979	x	GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
467	Vũ Thị Kim Nhị	06/03/1979	x	GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
468	Nguyễn Đăng Toàn	14/04/1977		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
469	Nguyễn Hữu Hải	09/02/1980		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
470	Nguyễn Văn Đoài	14/12/1977		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
471	Bùi Lập Hiến	10/03/1978		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
472	Hoàng Duy Khang	01/07/1979		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
473	Nghiêm Xuân Thước	22/08/1972		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
474	Dương Anh Tuấn	29/11/1978		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
475	Tống Thị Lý	24/10/1980	x	GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
476	Bùi Thị Khánh Hòa	28/05/1980	x	GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
477	Phạm Thị Hồng Hạnh	01/02/1980	x	GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
478	Hà Trung Kiên	25/09/1978		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
479	Nguyễn Sơn Tùng	26/06/1987		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
480	Nguyễn Xuân Quỳnh	20/10/1983		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
481	Trần Thị Hồng Thắm	09/05/1976	x	GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
482	Hoàng Quốc Xuyên	04/09/1977		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
483	Ngô Mạnh Tùng	26/02/1988		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
484	Quách Đức Cường	03/03/1979		GV	Tiến sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
485	Nguyễn Đăng Hải	03/05/1990		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
486	Hoàng Tiến Dũng	07/05/1980		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
487	Phạm Văn Đại	11/08/1988		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
488	Trần Thuỷ Văn	29/10/1980		GV	Tiến sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
489	Vũ Ngọc Ánh	07/11/1977		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
490	Nguyễn Anh Tuấn	26/03/1979		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
491	Bùi Văn Huy	17/07/1982		GV	Tiến sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
492	Trần Đức Hiệp	10/06/1988		GV	Thạc sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
493	Nguyễn Cảnh Quang	13/06/1975		GV	Tiến sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
494	Đào Quang Thủy	21/02/1978		GV	Tiến sĩ	CNKT ĐK&Tự động hóa
495	Hoàng Thanh Đức	16/01/1968		GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học
496	Nguyễn Quang Tùng	07/05/1967		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Hóa học
497	Vũ Minh Tân	04/01/1976		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Hóa học
498	Ngô Thúy Vân	11/05/1972	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Hóa học
499	Vũ Thị Hoà	10/02/1976	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Hóa học
500	Đào Thu Hà	10/03/1981	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Hóa học
501	Phạm Thị Thu Giang	03/07/1978	x	GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học
502	Nguyễn Xuân Huy	18/01/1981		GV	Thạc sĩ	CNKT Hóa học
503	Nguyễn Văn Hoàn	19/07/1976		GV	Thạc sĩ	CNKT Hóa học
504	Nguyễn Minh Việt	03/01/1980		GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
505	Nguyễn Văn Mạnh	19/09/1980		GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học
506	Nguyễn Thị Thoa	08/08/1978	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Hóa học
507	Nguyễn Thị Thu Phương	21/11/1981	x	GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học
508	Nguyễn Thế Hữu	20/10/1978		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Hóa học
509	Nguyễn Tuấn Anh	07/12/1981		GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học
510	Lương Thị Thanh	05/05/1987	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Hóa học
511	Lê Thị Hồng Nhung	04/04/1982	x	GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học
512	Phan Thị Quyên	18/02/1985	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Hóa học
513	Nguyễn Thị Thanh Mai	24/08/1972	x	GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Hóa học
514	Nguyễn Thị Thu Thủy	12/09/1982	x	GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học
515	Trịnh Thị Hải	05/09/1987	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Hóa học
516	Trương Công Doanh	02/03/1990		GV	Thạc sĩ	CNKT Hóa học
517	Đặng Hữu Trung	12/08/1981		GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học
518	Nguyễn Thị Hương	15/07/1979	x	GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học
519	Lê Thế Hoài	05/09/1981		GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học
520	Bùi Mạnh Tài	13/01/1973		GV	Thạc sĩ	CNKT Hóa học
521	Vũ Thị Thu Hà	20/10/1970	x	GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Hóa học
522	Nguyễn Vũ Giang	06/05/1973		GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học
523	Nguyễn Văn Tú	04/03/1979		GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học
524	Nguyễn Thúy Chinh	01/03/1987	x	GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học
525	Trần Quốc Toàn	20/10/1985		GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học
526	Nguyễn Chí Thanh	26/02/1979		GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học
527	Nguyễn Quốc Vượng	08/05/1962		GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học
528	Nguyễn Thị Hà	19/03/1979	x	GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học
529	Phan Thị Bình	20/06/1955	x	GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Hóa học
530	Cao Thị Mai Duyên	03/06/1975	x	GV	Tiến sĩ	CNKT Hóa học
531	Kiều Xuân Thực	11/07/1976		GV	Tiến sĩ	CNKT Máy tính
532	Vũ Trung Kiên	27/08/1977		GV	Thạc sĩ	CNKT Máy tính
533	Vũ Thị Thu Hương	20/10/1979	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Máy tính
534	Dương Thị Hằng	03/09/1978	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Máy tính
535	Phạm Thị Quỳnh Trang	26/01/1979	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Máy tính
536	Trần Quang Việt	26/08/1978		GV	Thạc sĩ	CNKT Máy tính
537	Bồ Quốc Bảo	28/06/1977		GV	Thạc sĩ	CNKT Máy tính
538	Hoàng Mạnh Kha	25/06/1979		GV	Tiến sĩ	CNKT Máy tính
539	Tống Văn Luyên	15/06/1979		GV	Tiến sĩ	CNKT Máy tính
540	Nguyễn Anh Dũng	04/12/1978		GV	Thạc sĩ	CNKT Máy tính
541	Phạm Văn Chiến	31/08/1985		GV	Thạc sĩ	CNKT Máy tính
542	Nguyễn Văn Tùng	21/12/1986		GV	Thạc sĩ	CNKT Máy tính
543	Đào Thị Phương Mai	29/09/1986	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Máy tính
544	Hà Mạnh Đào	12/08/1968		GV	Tiến sĩ	CNKT Máy tính
545	Bùi Minh Phúc	12/11/1979		GV	Thạc sĩ	CNKT Máy tính
546	Nguyễn Đức Khôi	10/09/1980		GV	Thạc sĩ	CNKT Máy tính
547	Nguyễn Viết Tuyến	16/06/1978		GV	Thạc sĩ	CNKT Máy tính

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
548	Hồ Khánh Lâm	24/08/1974		GV	Tiến sĩ	CNKT Máy tính
549	Phạm Thị Minh Huệ	04/09/1977	x	GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT nhiệt
550	Nguyễn Bá Lâng	19/05/1980		GV	Thạc sĩ	CNKT nhiệt
551	Đỗ Văn Cường	30/01/1983		GV	Thạc sĩ	CNKT nhiệt
552	Phạm Thế Vũ	09/04/1977		GV	Thạc sĩ	CNKT nhiệt
553	Nguyễn Đức Nam	28/04/1978		GV	Thạc sĩ	CNKT nhiệt
554	Nguyễn Xuân Bình	24/07/1978		GV	Thạc sĩ	CNKT nhiệt
555	Nguyễn Ngọc Quý	09/09/1978		GV	Thạc sĩ	CNKT nhiệt
556	Đào Thị Mai Phương	26/02/1984	x	GV	Tiến sĩ	CNKT nhiệt
557	Trần Quyết Thắng	09/07/1966		GVTH	Đại học	CNKT nhiệt
558	Nguyễn Thị Việt Anh	07/12/1990	x	GV	Thạc sĩ	CNKT nhiệt
559	Ngô Bá Doãn	10/10/1976		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
560	Phạm Văn Thoan	15/07/1977		GV	Tiến sĩ	CNKT Ôtô
561	Lê Hồng Quân	23/09/1966		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Ôtô
562	Thân Quốc Việt	01/10/1974		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
563	Lê Văn Anh	28/06/1962		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Ôtô
564	Nguyễn Văn Toàn	02/02/1975		GVTH	Đại học	CNKT Ôtô
565	Nguyễn Thành Bắc	10/01/1978		GV	Tiến sĩ	CNKT Ôtô
566	Đoàn Công Thành	02/07/1979		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
567	Phạm Việt Thành	28/02/1980		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
568	Nguyễn Tuấn Nghĩa	17/07/1980		GV	Tiến sĩ	CNKT Ôtô
569	Nguyễn Tiến Hán	25/01/1969		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Ôtô
570	Phạm Hòa Bình	10/06/1981		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
571	Nguyễn Mạnh Dũng	10/08/1979		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
572	Chu Đức Hùng	24/02/1983		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
573	Phạm Minh Hiếu	18/06/1982		GV	Tiến sĩ	CNKT Ôtô
574	Vũ Minh Diễn	09/10/1983		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
575	Hoàng Quang Tuấn	29/09/1983		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
576	Nguyễn Anh Ngọc	28/08/1983		GV	Tiến sĩ	CNKT Ôtô
577	Lê Đức Hiếu	10/03/1977		GV	Tiến sĩ	CNKT Ôtô
578	Bùi Văn Chinh	24/07/1980		GV	Tiến sĩ	CNKT Ôtô
579	Nguyễn Phi Trường	20/01/1981		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
580	Nguyễn Minh Thắng	28/09/1985		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
581	Phạm Văn Đoàn	09/04/1982		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
582	Bùi Văn Hải	07/08/1975		GV	Tiến sĩ	CNKT Ôtô
583	Ngô Quang Tạo	30/08/1983		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
584	Lê Hữu Chúc	21/09/1986		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
585	Nguyễn Thế Anh	04/03/1988		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
586	Vũ Ngọc Quỳnh	25/05/1988		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
587	Nguyễn Huy Chiến	13/02/1984		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
588	Vũ Hải Quân	12/11/1987		GV	Tiến sĩ	CNKT Ôtô
589	Lê Đình Mạnh	20/04/1983		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
590	Trịnh Đắc Phong	16/03/1989		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
591	Đinh Xuân Thành	26/07/1969		GVC	Tiến sĩ	CNKT Ôtô
592	Đặng Quang Thạch	05/11/1962		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
593	Đào Công Chính	01/10/1960		GVTH	Đại học	CNKT Ôtô
594	Nguyễn Gia Tùng	08/04/1974		GVTH	Đại học	CNKT Ôtô
595	Nguyễn Anh Việt	02/03/1975		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
596	Vũ Ngọc Hoằng	06/09/1966		GVTH	Đại học	CNKT Ôtô
597	Nguyễn Thanh Quang	03/08/1957		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Ôtô
598	Lê Văn Tiến	22/01/1968		GVTH	Đại học	CNKT Ôtô
599	Nguyễn Quý Trung	18/09/1976		GVTH	Đại học	CNKT Ôtô
600	Hoàng Hữu Hùng	14/09/1969		GVTH	Đại học	CNKT Ôtô
601	Đỗ Thị Bích Hạnh	07/07/1986	x	GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
602	Trần Văn Tấn	21/02/1970		GVTH	Đại học	CNKT Ôtô
603	Trần Phúc Hòa	11/07/1970		GV	Tiến sĩ	CNKT Ôtô
604	Nguyễn Quốc Khánh	25/07/1981		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
605	Nguyễn Xuân Tuấn	29/12/1977		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
606	Nguyễn Xuân Khoa	18/11/1985		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
607	Nguyễn Thành Vinh	28/10/1983		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
608	Vũ Đình Thơm	07/07/1960		GVC	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
609	Tô Tiến Long	10/10/1960		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
610	Phan Tiến Việt	17/10/1967		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
611	Phan Quyết Long	30/11/1977		GVTH	Đại học	CNKT Ôtô
612	Kiều Văn Quảng	08/08/1980		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
613	Trương Văn Lương	28/08/1966		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
614	Nguyễn Đức Khoa	30/10/1977		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
615	Giáp Văn Nang	14/09/1961		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
616	Trần Văn Hiệu	08/09/1962		GVC	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
617	Đặng Xuân Phương	11/09/1961		GVTH	Đại học	CNKT Ôtô
618	Hoàng Tùng Lâm	12/10/1981		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
619	Nguyễn Nam Hải	10/08/1970		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
620	Nguyễn Nhật Tân	18/12/1974		GV	Tiến sĩ	CNKT Ôtô
621	Nguyễn Anh Thắng	26/12/1984		GV	Thạc sĩ	CNKT Ôtô
622	Vũ Đức Lập	28/03/1952		GVCC	PGS. tiến sĩ	CNKT Ôtô
623	Nguyễn Huy Trưởng	13/12/1976		GV	Tiến sĩ	CNKT Ôtô
624	Nguyễn Can	23/05/1947		GV	Tiến sĩ	CNKT Ôtô
625	Nguyễn Văn Thiện	11/10/1970		GVC	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
626	Lê Anh Đức	25/07/1978		GV	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
627	Trần Đức Trung	05/08/1977		GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
628	Mai Đức Thế	01/10/1977		GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
629	Đoàn Văn Trung	03/06/1979		GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
630	Nguyễn Mạnh Cường	18/03/1978		GV	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
631	Lê Anh Thắng	25/10/1973		GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
632	Đỗ Thị Minh Nguyệt	17/12/1975	x	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
633	Trần Tiến Dũng	06/05/1979		GV	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
634	Nguyễn Hoàng Tú	15/08/1980		GV	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
635	Lê Thu Hương	06/04/1984	x	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
636	Trần Chí Kiên	01/12/1976		GV	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
637	Đào Ngọc Long	09/02/1982		GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
638	Vũ Anh Tú	17/03/1971		GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
639	Nguyễn Quang Đại	07/12/1986		GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
640	Trần Thúy Hằng	17/09/1969	x	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
641	Phạm Đức Tĩnh	02/07/1980		GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
642	Phan Quang Thịnh	07/12/1981		GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
643	Lê Minh Hoàng	19/02/1978		GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
644	Phạm Đức Thành	15/4/1982		GVTH	Đại học	Công nghệ thông tin
645	Vi Thị Huệ	08/04/1984	x	GVTH	Đại học	Công nghệ thông tin
646	Đào Hoài Nam	03/10/1986		GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
647	Trần Văn Minh	25/8/1978		GVTH	Đại học	Công nghệ thông tin
648	Lê Hoàng Bách	26/8/1986		GVTH	Đại học	Công nghệ thông tin
649	Nguyễn Văn Tùng	10/07/1991		GVTH	Đại học	Công nghệ thông tin
650	Nguyễn Đắc Nam	12/10/1985		GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
651	Phạm Thị Kim Phượng	25/04/1978	x	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
652	Nguyễn Hoàng Chương	28/11/1981		GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
653	Trần Quang Hải	17/04/1973		GV	Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
654	Nguyễn Mạnh Hà	20/09/1977		GV	Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
655	Nguyễn Thị Kim An	18/08/1983	x	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
656	Nguyễn Xuân Cảnh	01/08/1988		GV	Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
657	Đàm Xuân Thắng	24/04/1979		GV	Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
658	Nguyễn Văn Lợi	10/08/1978		GVCC	PGS. tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
659	Nguyễn Minh Thắng	11/10/1986		GV	Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
660	Phạm Thị Thắm	29/04/1985	x	GVCC	PGS. tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
661	Bùi Thị Thu Trang	10/04/1985	x	GV	Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
662	Vũ Thị Cương	08/09/1975	x	GV	Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
663	Đỗ Thị Hạnh	05/08/1980	x	GV	Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
664	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/01/1978	x	GV	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin
665	Vũ Minh Yến	31/10/1979	x	GV	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin
666	Hoàng Văn Hoành	09/09/1978		GV	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin
667	Trần Phương Nhung	04/04/1981	x	GV	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin
668	Nguyễn Tuấn Tú	10/12/1973		GV	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin
669	Nguyễn Tiến Lợi	14/06/1976		GV	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin
670	Đỗ Mạnh Hùng	25/11/1978		GV	Tiến sĩ	Hệ thống thông tin
671	Đỗ Văn Tuấn	09/06/1975		GV	Tiến sĩ	Hệ thống thông tin
672	Phạm Văn Phong	23/09/1981		GV	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin
673	Nguyễn Thị Thanh Hương	15/03/1987	x	GV	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin
674	Nguyễn Tuấn Anh	13/06/1988		GV	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin
675	Nguyễn Long Giang	05/06/1975		GV	Tiến sĩ	Hệ thồng thông tin
676	Phạm Thành Công	08/02/1977		GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
677	Nguyễn Minh Tân	23/05/1975		GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
678	Ngô Đức Vĩnh	31/12/1973		GV	Tiến sĩ	Khoa học máy tính
679	Phạm Văn Hiệp	13/12/1976		GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
680	Nguyễn Văn Thắng	16/02/1961		GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
681	Ngô Thị Thanh Hòa	12/05/1979	x	GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
682	Vũ Thị Tuyết Mai	27/01/1977	x	GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
683	An Văn Minh	19/08/1978		GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
684	Mai Thanh Hồng	14/01/1980	x	GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
685	Trần Thanh Huân	20/08/1968		GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
686	Vương Quốc Dũng	23/05/1965		GVC	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
687	Nguyễn Thanh Hải	16/04/1971		GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
688	Trần Hùng Cường	27/11/1975		GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
689	Đỗ Ngọc Sơn	01/10/1973		GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
690	Lê Như Hiền	25/09/1975	x	GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
691	Vũ Việt Thắng	13/10/1984		GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
692	Lê Thị Thủy	21/03/1982	x	GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
693	Nguyễn Thị Hương Lan	11/12/1984	x	GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
694	Nguyễn Lan Anh	30/11/1987	x	GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
695	Ngô Thị Nhã	16/05/1989	x	GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
696	Chu Thị Quyên	03/07/1977	x	GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
697	Nguyễn Bá Nghiễn	19/08/1976		GV	Tiến sĩ	Khoa học máy tính
698	Ngô Thị Bích Thuý	16/12/1971	x	GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
699	Đỗ Hữu Công	02/03/1977		GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
700	Dương Thị Thanh Thùy	30/12/1986	x	GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
701	Lê Trường Giang	27/07/1982		GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
702	Bùi Xuân Hào	08/12/1983		GVTH	Đại học	Khoa học máy tính
703	Đặng Thị Nhung	21/02/1986	x	GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
704	Vũ Tuấn Anh	13/5/1985		GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
705	Bùi Tuấn Hưng	26/2/1986		GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
706	Lê Đình Hồng Mạnh	18/11/1990		GV	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
707	Mai Văn Thanh	13/02/1988		GVTH	Đại học	Khoa học máy tính
708	Vũ Quý Trung	08/01/1989		GVTH	Đại học	Khoa học máy tính
709	Trương Văn Khải	06/11/1988		GVTH	Đại học	Khoa học máy tính
710	Nguyễn Như Sơn	12/11/1974		GV	Tiến sĩ	Khoa học máy tính
711	Trần Thị Thuý	18/02/1982	x	GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
712	Vũ Đức Huy	18/09/1979		GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
713	Nguyễn Trung Phú	02/01/1981		GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
714	Nguyễn Đức Lưu	07/09/1971		GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
715	Phùng Đức Hoà	31/05/1978		GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
716	Nguyễn Quang Minh	20/12/1976		GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
717	Nguyễn Thị Mỹ Bình	02/10/1979	x	GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
718	Nguyễn Thị Thanh Bình	07/09/1979	x	GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
719	Đinh Thị Bích Liên	21/01/1978	x	GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
720	Vũ Duy Giang	25/07/1979		GVTH	Đại học	Kỹ thuật phần mềm
721	Vũ Thị Dương	12/11/1978	x	GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
722	Phạm Thế Anh	19/03/1981		GVTH	Đại học	Kỹ thuật phần mềm
723	Nguyễn Thị Cẩm Ngoan	22/08/1981	x	GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
724	Trần Thanh Hùng	09/12/1980		GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
725	Trịnh Bá Quý	11/09/1988		GVTH	Đại học	Kỹ thuật phần mềm
726	Hoàng Quang Huy	20/08/1981		GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
727	Phạm Văn Hà	03/09/1979		GV	Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm
728	Nguyễn Thị Nhung	27/11/1972	x	GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
729	Đỗ Sinh Trường	22/10/1978		GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
730	Nguyễn Văn Tỉnh	20/10/1978		GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
731	Đăng Quỳnh Nga	09/08/1976	x	GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
732	Nguyễn Thái Cường	11/08/1981		GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
733	Đàm Thu Lan	16/07/1980	x	GV	Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm
734	Ngô Văn Bình	30/08/1977		GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
735	Phan Đăng Hưng	02/04/1977		GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
736	Đặng Trọng Hợp	27/11/1978		GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
737	Vũ Thanh Đức	02/03/1984		GV	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
738	Nguyễn Văn Tăng	02/04/1980		GV	Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm
739	Vương Trung Hiếu	03/10/1988		GVTH	Đại học	Kỹ thuật phần mềm
740	Nguyễn Duy Vinh	24/04/1984		GVTH	Đại học	Kỹ thuật phần mềm
741	Nguyễn Trường Thắng	27/12/1974		GV	Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm
742	Đỗ Trọng Tuyến	20/04/1978		GV	Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
743	Bùi Thị Thu Hiền	30/09/1983	x	GV	Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
744	Nguyễn Tuấn Anh	30/05/1976		GV	Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
745	Vũ Việt Hưng	28/12/1977		GV	Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
746	Phan Thị Thu Hằng	24/11/1977	x	GV	Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
747	Lê Việt Tiến	18/09/1974		GV	Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
748	Đinh Thị Kim Phượng	24/10/1978	x	GV	Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
749	Bùi Như Phong	05/11/1978		GV	Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
750	Nguyễn Thị Phước Vân	30/10/1978	x	GV	Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
751	Nguyễn Thị Diệu Linh	09/12/1979	x	GV	Tiến sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
752	Đào Thanh Hải	13/11/1986		GV	Tiến sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
753	Đỗ Công Hùng	20/03/1967		GV	Tiến sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
754	Phan Thanh Hòa	22/02/1976		GV	Tiến sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
755	Nguyễn Trường Anh	11/11/1981		GV	Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
756	Lưu Thị Huyền	13/12/1982	x	GV	Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
757	Bùi Việt Hải	05/09/1980		GV	Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
758	Trần Thị Hà Trang	30/07/1986	x	GV	Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
759	Nguyễn Quang Hoan	08/07/1950		GVCC	PGS. tiến sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
760	Phạm Khắc Hoan	01/01/1976		GV	Tiến sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
	Khối ngành VII					
761	Lê Thu Hương	18/08/1980	x	GV	Tiến sĩ	Du lịch

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
762	Nguyễn Phương Thảo	01/07/1987	x	GV	Tiến sĩ	Du lịch
763	Phạm Thị Vân Anh	03/02/1984	x	GV	Thạc sĩ	Du lịch
764	Chu Thị Hoàng Khuyên	09/09/1980	x	GV	Thạc sĩ	Du lịch
765	Phạm Thị Kiệm	20/12/1987	x	GV	Thạc sĩ	Du lịch
766	Nguyễn Thị Hồng Vân	08/10/1979	x	GV	Thạc sĩ	Du lịch
767	Nguyễn Thị Phương Nga	12/09/1981	x	GV	Tiến sĩ	Du lịch
768	Đào Thanh Thái	17/11/1975		GV	Tiến sĩ	Du lịch
769	Vương Thị Vân Anh	14/08/1987	x	GV	Thạc sĩ	Du lịch
770	Nguyễn Thị Ngọc Anh	29/09/1981		GV	Tiến sĩ	Du lịch
771	Vũ Đình Khoa	14/04/1980		GV	Tiến sĩ	Kinh tế đầu tư
772	Lương Thị Thu Hằng	06/10/1986	x	GV	Thạc sĩ	Kinh tế đầu tư
773	Nguyễn Thị Kim Liên	08/12/1987	x	GV	Thạc sỹ	Kinh tế đầu tư
774	Chu Thị Thúy Hằng	05/04/1987	x	GV	Thạc sĩ	Kinh tế đầu tư
775	Nguyễn Hoàng Nam	14/02/1973		GV	Thạc sĩ	Kinh tế đầu tư
776	Trương Thị Thu Hương	10/04/1987	x	GV	Thạc sĩ	Kinh tế đầu tư
777	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	25/12/1989	x	GV	Thạc sĩ	Kinh tế đầu tư
778	Nguyễn Hữu Thạch	24/06/1982		GV	Thạc sỹ	Kinh tế đầu tư
779	Bùi Thị Ngân	15/05/1967	x	GVC	Tiến sĩ	NN Anh
780	Hoàng Thị Thu Thuỷ	12/08/1978	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh
781	Đặng Thị Minh Tâm	23/10/1977	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh
782	Trần Ngọc Đức	26/08/1978		GV	Thạc sĩ	NN Anh
783	Lê Thị Hương Thảo	18/11/1984	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh
784	Nguyễn Thị Đan Quế	01/09/1981	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh
785	Phạm Mai Khánh	01/09/1984	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh
786	Trần Thị Duyên	21/01/1977	x	GV	Tiến sĩ	NN Anh
787	Ngô Thu Hương	07/07/1979	x	GV	Tiến sĩ	NN Anh
788	Tạ Ngọc Hiền Minh	31/12/1979	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh
789	Nguyễn Thị Hưởng	23/08/1981	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh
790	Phạm Anh Tiến	19/06/1984		GV	Thạc sĩ	NN Anh
791	Nguyễn Thị Minh Thảo	03/09/1983	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh
792	Phạm Thị Mỹ Hạnh	02/07/1978	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh
793	Nguyễn Thị Minh Hạnh	09/04/1983	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh
794	Phạm Thị Bích Hảo	11/04/1975	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh
795	Bùi Thị Hiền	17/12/1978	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh
796	Lê Thị Thu Hương	01/10/1978	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh
797	Nguyễn Thị Lan Hương	12/08/1978	x	GV	Tiến sĩ	NN Anh
798	Đỗ Thị Huyền Thanh	01/12/1979	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh
799	Hoàng Ngọc Tuệ	09/11/1977		GV	Tiến sĩ	NN Anh
800	Bùi Thị Ngọc	07/10/1981	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh
801	Lê Mai Vân	26/04/1978	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh
802	Nguyễn Thị Hằng Nga	20/11/1977	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh
803	Nguyễn Thu Hương	16/01/1980	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh
804	Hoàng Thị Thanh Huyền	09/07/1987	x	GV	Thạc sĩ	NN Anh

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
805	Nguyễn Thu Trà	16/09/1981	x	GV	Tiến sĩ	NN Anh
806	Nguyễn Thị Hà Thủy	15/07/1989	x	GV	Thạc sĩ	NN Trung Quốc
807	Đinh Bích Thảo	24/08/1987	x	GV	Tiến sĩ	NN Trung Quốc
808	Phan Huy Hoàng	10/07/1980		GV	Tiến sĩ	NN Trung Quốc
809	Nguyễn Thị Lê	16/08/1977	x	GV	Tiến sĩ	NN Trung Quốc
810	Phạm Thị Trang	13/11/1987	x	GV	Thạc sĩ	NN Trung Quốc
811	Đỗ Thị Thanh Loan	29/07/1987	x	GVTH	Đại học	NN Trung Quốc
812	Phí Công Mạnh	03/08/1987		GV	Tiến sĩ	QTKD khách sạn
813	Hoàng Bích Việt	17/09/1985	x	GV	Thạc sĩ	QTKD khách sạn
814	Trần Quốc Hưng	05/10/1974		GV	Thạc sĩ	QTKD khách sạn
815	Trần Thị Lan Hương	20/08/1992	x	GV	Thạc sỹ	QTKD khách sạn
816	Nguyễn Anh Tuấn	19/09/1961		GVC	Tiến sĩ	QTKD khách sạn
817	Phạm Việt Dũng	12/12/1978		GV	Thạc sĩ	QTKD khách sạn
818	Bùi Thị Phương Hoa	31/10/1983	x	GV	Thạc sĩ	QTKD khách sạn
819	Nguyễn Thị Hải Yến	11/11/1982	x	GV	Thạc sĩ	QTKD khách sạn
820	Nguyễn Phương Tú	11/09/1980		GV	Thạc sĩ	QTKD khách sạn
821	Lê Thị Khánh Ly	11/01/1984	x	GV	Thạc sĩ	QTKD khách sạn
822	Trương Thị Thùy Ninh	02/07/1981	x	GV	Thạc sĩ	QTKD khách sạn
823	Phạm Văn Đại	28/01/1976		GV	Tiến sĩ	Quản trị DVDL&LH
824	Dương Đình Bắc	30/03/1974		GV	Thạc sĩ	Quản trị DVDL&LH
825	Nguyễn Thị Bích Ngọc	31/08/1985	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị DVDL&LH
826	Trần Đức Thành	16/10/1979		GV	Thạc sĩ	Quản trị DVDL&LH
827	Bùi Phú Mỹ	09/01/1984	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị DVDL&LH
828	Bùi Thị Thu Loan	14/03/1977	x	GV	Tiến sĩ	Quản trị DVDL&LH
829	Nguyễn Tiến Lợi	21/01/1984		GV	Thạc sĩ	Quản trị DVDL&LH
830	Vũ Thị Thu Hà	09/12/1985	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị DVDL&LH
831	Nguyễn Thị Mai Anh	06/12/1988	x	GV	Thạc sĩ	Quản trị DVDL&LH
832	Nguyễn Hữu Cung	12/03/1978		GV	Tiến sĩ	Quản trị DVDL&LH
833	Hạ Bá Tiến	17/05/1961		GVTH	Đại học	
834	Trần Xuân Kiên	27/03/1975		GV	Thạc sĩ	
835	Nguyễn Hoàng Dương	12/09/1979		GV	Thạc sĩ	
836	Phạm Sơn	25/01/1960		GVTH	Đại học	
837	Nguyễn Anh Dũng	20/08/1982		GV	Thạc sĩ	
838	Nguyễn Văn Dương	16/05/1974		GV	Thạc sĩ	
839	Nguyễn Huy Tài	07/07/1978		GVTH	Đại học	
840	Vũ Mạnh Tiến	04/05/1983		GV	Thạc sĩ	
841	Nguyễn Công Trang	25/04/1980		GV	Thạc sĩ	
842	Đặng Xuân Quang	20/06/1985		GV	Thạc sĩ	
843	Tạ Thị Phương	21/02/1984	x	GVTH	Đại học	
844	Nguyễn Thị Thu Hằng	05/08/1981	x	GV	Thạc sĩ	
845	Dương Sinh Tuấn	04/10/1984		GV	Thạc sĩ	
846	Nguyễn Văn Phóng	01/01/1982		GV	Thạc sĩ	
847	Vương Thị Nguyệt	26/08/1983	x	GVTH	Đại học	

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
848	Phan Trí Đạt	11/08/1985		GVTH	Đại học	
849	Nguyễn Đình Đoàn	07/06/1989		GVTH	Đại học	
850	Phạm Quang Hợp	01/08/1987		GV	Thạc sĩ	
851	Đào Duy Bân	04/04/1981		GVTH	Đại học	
852	Nguyễn Đình Cường	26/12/1990		GVTH	Đại học	
853	Tạ Thạc Tuấn	10/03/1974		GV	Thạc sĩ	
854	Vũ Thành Nam	11/07/1986		GV	Thạc sĩ	
855	Vương Quốc Hưng	11/12/1988		GV	Thạc sĩ	
856	Chúc Hoàng Nguyên	11/10/1963		GVC	Thạc sĩ	
857	Lại Đức Hùng	04/10/1970		GV	Thạc sĩ	
858	Ngô Minh Đức	22/01/1967		GV	Thạc sĩ	
859	Nguyễn Quang Thành	08/03/1971		GV	Thạc sĩ	
860	Trịnh Thị Thu Hương	24/01/1980	x	GV	Thạc sĩ	
861	Lê Bá Phương	08/12/1970		GV	Tiến sĩ	
862	Trịnh Thị Anh Đào	20/07/1968	x	GV	Thạc sĩ	
863	Nguyễn Văn Tuấn	25/02/1970		GV	Thạc sĩ	
864	Nguyễn Thị Lan	20/12/1970	x	GV	Thạc sĩ	
865	Đào Thị Thuận	03/01/1974	x	GV	Thạc sĩ	
866	Nguyễn Thị Minh Tâm	14/04/1975	x	GV	Thạc sĩ	
867	Lều Thị Hoài Thi	14/11/1975	x	GV	Thạc sĩ	
868	Đặng Thị Hương Lan	07/12/1975	x	GV	Thạc sĩ	
869	Đặng Việt Chung	19/10/1976		GV	Thạc sĩ	
870	Nguyễn Đào Sơn	13/11/1977	x	GV	Thạc sĩ	
871	Lê Thị Hồng Dung	16/10/1980	x	GV	Thạc sĩ	
872	Trần Thị Hằng	03/04/1975	x	GV	Thạc sĩ	
873	Trần Thị Nhàn	24/11/1978	x	GV	Thạc sĩ	
874	Ngô Thị Hoa	08/03/1978	x	GV	Thạc sĩ	
875	Lê Anh Tuấn	24/05/1983		GV	Tiến sĩ	
876	Nguyễn Văn Trượng	12/11/1979		GV	Thạc sĩ	
877	Lê Anh Thắng	15/08/1976		GV	Thạc sĩ	
878	Giáp Văn Huynh	23/10/1979		GV	Thạc sĩ	
879	Kiều Nguyệt Kim	02/09/1979	x	GV	Thạc sĩ	
880	Đỗ Thu Phương	09/10/1981	x	GV	Thạc sĩ	
881	Trần Thị Hồng Trang	30/05/1982	x	GV	Thạc sĩ	
882	Nguyễn Thị Quỳnh	12/06/1984	x	GV	Thạc sĩ	
883	Phạm Ngọc Tuấn	27/06/1983		GV	Thạc sĩ	
884	Đỗ Thị Mỹ Linh	21/08/1985	x	GV	Thạc sĩ	
885	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	03/10/1979	x	GV	Thạc sĩ	
886	Dương Vũ Trường	01/04/1983		GV	Thạc sĩ	
887	Phùng Thị Anh Vũ	23/11/1979	x	GV	Thạc sĩ	
888	Nguyễn Phương Thảo	10/09/1984	x	GV	Thạc sĩ	
889	Nguyễn Văn Mạnh	11/08/1981		GV	Thạc sĩ	
890	Lê Chí Thanh	29/09/1984		GV	Thạc sĩ	

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
891	Nguyễn Văn Hinh	07/07/1978		GV	Thạc sĩ	
892	Lưu Thị Nhạn	20/06/1986	x	GV	Tiến sĩ	
893	Đỗ Thị Thanh	10/10/1979	x	GV	Tiến sĩ	
894	Nguyễn Văn Quỳnh	02/03/1987		GV	Tiến sĩ	
895	Nguyễn Thị Sạ	05/02/1986	x	GV	Tiến sĩ	
896	Nguyễn Thị Ngọc Dung	15/07/1977	x	GV	Thạc sĩ	
897	Nguyễn Văn Thiện	13/10/1986		GV	Thạc sĩ	
898	Nguyễn Thị Hiên	05/06/1981	x	GV	Tiến sĩ	
899	Vũ Thị Hồng Vân	07/05/1972	x	GVC	Tiến sĩ	
900	Trần Thị Anh	03/08/1972	x	GV	Thạc sĩ	
901	Nguyễn Thị Thọ	18/02/1969	x	GV	Thạc sĩ	
902	Nguyễn Văn Sơn	14/09/1975		GV	Tiến sĩ	
903	Phùng Danh Cường	16/01/1980		GV	Tiến sĩ	
904	Trần Thị Tùng Lâm	07/07/1969	x	GV	Tiến sĩ	
905	Hoàng Thị Hương Thu	11/10/1980	x	GV	Thạc sĩ	
906	Nguyễn Thị Phương Dung	06/01/1968	x	GV	Thạc sĩ	
907	Trần Thị Bích Huệ	06/03/1979	x	GV	Tiến sĩ	
908	Trần Thị Thúy Chinh	09/10/1981	x	GV	Thạc sĩ	
909	Trần Thị Minh Trâm	14/04/1973	x	GV	Tiến sĩ	
910	Lê Văn Mười	10/03/1976		GV	Tiến sĩ	
911	Hoàng Thị Ngân	11/12/1983	x	GV	Thạc sĩ	
912	Phạm Thị Thu Hương	27/07/1980	x	GV	Tiến sĩ	
913	Vương Xuân Hiệp	12/04/1980		GV	Thạc sĩ	
914	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	12/10/1984	x	GV	Tiến sĩ	
915	Bùi Thanh Tùng	12/09/1986	x	GV	Thạc sĩ	
916	Nguyễn Thị Ngọc Anh	18/08/1982	x	GV	Thạc sĩ	
917	Lê Thị Bích Thuận	10/08/1974	x	GV	Thạc sĩ	
918	Bùi Thị Kim Xuân	11/02/1986	x	GV	Thạc sĩ	
919	Nguyễn Thị Lan	27/04/1979	x	GV	Tiến sĩ	
920	Hoàng Thị Phương Ly	25/06/1983	x	GV	Thạc sĩ	
921	Đặng Thị Hường	06/02/1975	x	GV	Thạc sĩ	
922	Đặng Văn Luận	17/05/1978		GV	Tiến sĩ	
923	Vương Minh Hoài	30/03/1981		GV	Thạc sĩ	
924	Trịnh Thị Hạnh	20/01/1984	x	GV	Thạc sĩ	
925	Ngô Thị Thanh Tâm	28/12/1985	x	GV	Thạc sĩ	
926	Nguyễn Thị Ngọc	21/03/1990	x	GV	Thạc sĩ	
927	Lê Thị Khánh Vân	02/12/1980	x	GV	Thạc sĩ	
928	Phạm Thị Đam	20/04/1982	x	GV	Thạc sĩ	
929	Đỗ Thu Hằng	10/08/1990	x	GV	Thạc sĩ	
930	Nguyễn Thị Thu Hương	01/02/1976	x	GV	Tiến sĩ	
931	Trần Mạnh Quân	02/11/1971		GV	Thạc sĩ	
932	Nguyễn Đức Minh	11/05/1967		GV	Thạc sĩ	
933	Nguyễn Ngọc Anh	28/08/1978		GV	Thạc sĩ	

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
934	Đỗ Thị Thu Trang	04/11/1978	x	GV	Thạc sĩ	
935	Vũ Thị Thu Hiền	24/3/1983	x	GV	Thạc sĩ	
936	Phạm Giang Lan	20/09/1987	x	GV	Thạc sĩ	
937	Nguyên Văn Khánh	12/12/1984		GV	Thạc sĩ	
938	Nguyễn Thị Bích	13/06/1988	x	GV	Thạc sĩ	
939	Trần Thị Thúy Hằng	06/11/1984	x	GV	Thạc sĩ	
940	Lê Thị Hồng Khuyên	22/10/1980	x	GV	Tiến sĩ	
941	Lê Thị Hà	15/04/1987	x	GV	Thạc sỹ	
942	Phan Thanh Hoài	17/11/1986		GV	Thạc sĩ	
943	Nguyễn Thị Nga	20/08/1978	x	GV	Tiến sĩ	
944	Nguyễn Thị Hương	20/08/1988	x	GV	Thạc sĩ	
945	Nguyễn Thị Minh	13/06/1965	x	GV	Thạc sĩ	
946	Đinh Khắc Định	13/11/1972		GV	Thạc sĩ	
947	Nguyễn Thị Phương Lan	02/12/1979	x	GV	Thạc sĩ	
948	Phương Thị Duyên	17/01/1975	x	GV	Thạc sĩ	
949	Nghiêm Thị Thu Hà	06/09/1975	x	GV	Thạc sĩ	
950	Trần Thị Kim Hiếu	10/03/1976	x	GV	Thạc sĩ	
951	Nguyễn Tuấn Hưng	24/02/1964		GV	Thạc sĩ	
952	Đậu Thị Bích Loan	17/03/1977	x	GV	Thạc sĩ	
953	Đỗ Thanh Loan	20/01/1978	x	GV	Thạc sĩ	
954	Nguyễn Thị Kim Thoa	02/01/1973	x	GV	Thạc sĩ	
955	Nguyễn Thị Dịu	30/05/1975	x	GV	Thạc sĩ	
956	Phú Thị Nhung	23/02/1979	x	GV	Thạc sĩ	
957	Nguyễn Thị Lệ Thủy	10/12/1969	x	GV	Thạc sĩ	
958	Phan Thanh Quyên	20/04/1979	x	GV	Thạc sĩ	
959	Cao Thị Thu Hương	16/09/1981	x	GV	Thạc sĩ	
960	Lê Đức Hạnh	27/02/1985	x	GVTH	Đại học	
961	Trần Thị Dung	22/11/1986	x	GV	Thạc sĩ	
962	Hoàng Thị Hương Giang	22/07/1982	x	GV	Thạc sĩ	
963	Trương Thị Thanh Hoài	03/05/1984	x	GV	Thạc sĩ	
964	Đinh Thị Bích Ngọc	10/10/1984	x	GV	Thạc sĩ	
965	Trần Yến Vân	15/04/1984	x	GV	Thạc sĩ	
966	Bùi Thị Thu Giang	10/01/1987	x	GV	Thạc sĩ	
967	Trần Lê Thu Hà	09/12/1982	x	GV	Thạc sĩ	
968	Dương Thị Mỹ Thoa	21/07/1987	x	GV	Thạc sĩ	
969	Nguyễn Đình Thường	17/10/1985		GVTH	Đại học	
970	Phạm Thị Anh Đào	28/07/1981	x	GV	Thạc sĩ	
971	Trần Thị Kim Huệ	16/11/1979	x	GV	Thạc sĩ	
972	Lê Thị Ngọc Hà	16/05/1980	x	GV	Thạc sĩ	
973	Lê Thị Hương Giang	15/02/1983	x	GV	Thạc sĩ	
974	Đỗ Thị Huyền	25/11/1985	x	GV	Thạc sỹ	
975	Vũ Thị Nhung	30/03/1986	x	GVTH	Đại học	
976	Nguyễn Thị Vân	06/02/1984	x	GVTH	Đại học	

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
977	Nguyễn Thị Quý	07/06/1986	x	GV	Thạc sĩ	
978	Nguyễn Thị Thanh Tùng	14/12/1984	x	GV	Thạc sĩ	
979	Nguyễn Thị Điệp	19/11/1985	x	GV	Thạc sĩ	
980	Trịnh Thị Hương Giang	07/04/1986	x	GV	Thạc sĩ	
981	Cao Thị Hải Hằng	13/09/1987	x	GV	Thạc sĩ	
982	Vũ Thị Mẫu	04/07/1986	x	GV	Thạc sĩ	
983	Nguyễn T. Thanh Bằng	01/05/1985	x	GV	Thạc sĩ	
984	Nguyễn Hồng Mai	06/07/1986	x	GV	Thạc sĩ	
985	Đỗ Thị Hạnh	19/05/1987	x	GV	Thạc sĩ	
986	Vũ Thị Phương Thoa	20/12/1986	x	GV	Thạc sĩ	
987	Nguyễn Thị Loan	22/10/1988	x	GV	Thạc sĩ	
988	Nguyễn Văn Toàn	23/03/1977		GV	Thạc sĩ	
989	Dương Thị Kim Huệ	27/01/1988	x	GV	Thạc sĩ	
990	Nguyễn Thị Huyền	15/04/1988	x	GV	Thạc sĩ	
991	Phạm Thị Hường Trang	03/03/1987	x	GVTH	Đại học	
992	Trần Thị Thu Yến	14/03/1979	x	GV	Thạc sĩ	
993	Nguyễn Thị Vân Khánh	16/06/1978	x	GV	Thạc sĩ	
994	Hà Thị Huyền	09/06/1978	x	GV	Thạc sĩ	
995	Tạ Thị Bích Liên	18/01/1980	x	GV	Thạc sĩ	
996	Hoàng Thị Quỳnh Dương	26/10/1978	x	GV	Thạc sĩ	
997	Trần Thị Huyền	24/07/1979	x	GV	Thạc sĩ	
998	Hoàng Thị Quỳnh Ngân	03/06/1977	x	GV	Thạc sĩ	
999	Dương Thị Thanh Hoa	10/10/1981	x	GV	Thạc sĩ	
1000	Trần Huyền Trang	28/01/1988	x	GVTH	Đại học	
1001	Nguyễn Minh Hà	29/10/1991	x	GV	Thạc sĩ	
1002	Nguyễn Thị Chung	01/05/1984	x	GV	Thạc sĩ	
1003	Phạm Thị Vinh Hiển	28/08/1977	x	GV	Thạc sĩ	
1004	Hồ Thị Bạch Mai	22/02/1984	x	GV	Thạc sĩ	
1005	Chúc Hồng Ngọc	09/07/1991	x	GV	Thạc sĩ	
1006	Trần Trung Cộng	27/06/1983		GV	Thạc sĩ	
1007	Phạm Đức Long	12/05/1989		GV	Thạc sĩ	
1008	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/01/1989	x	GVTH	Đại học	
1009	Nguyễn Thị Thanh Thảo	12/04/1987	x	GV	Thạc sĩ	
1010	Nguyễn Thị Kim Giang	30/12/1988	x	GV	Thạc sĩ	
1011	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	30/10/1988	x	GV	Thạc sĩ	
1012	Nguyễn Thị Xoan	17/11/1988	x	GV	Thạc sĩ	
1013	Trần Thị Thanh Xuân	24/02/1989	x	GV	Thạc sỹ	
1014	Hồ Thị Anh Thơ	20/09/1990	x	GV	Thạc sĩ	
1015	Bùi Phương Thảo	31/05/1990	x	GV	Thạc sĩ	
1016	Trần Thị Huyền	07/02/1990	x	GV	Thạc sĩ	
1017	Đỗ Kim Thùy	10/06/1988	x	GV	Thạc sĩ	
1018	Nguyễn Thị Bưởi	05/05/1990	x	GV	Thạc sĩ	
1019	Trương Minh Huệ	04/10/1984	x	GV	Thạc sĩ	

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
1020	Trần Thùy Linh	12/05/1987	x	GV	Thạc sĩ	
1021	Nguyễn Thị Oanh	04/10/1989	x	GV	Thạc sĩ	
1022	Nhữ Đức Hùng	14/10/1988		GV	Thạc sĩ	
1023	Vũ Thị Hằng	10/05/1988	x	GV	Thạc sĩ	
1024	Vương Thị Phương Thảo	28/05/1980	x	GV	Thạc sĩ	
1025	Nguyễn Việt Linh	08/02/1991		GV	Thạc sĩ	
1026	Phạm Tố Linh	16/11/1990	x	GV	Thạc sĩ	
1027	Chu Thị Phương Linh	15/08/1990	x	GV	Thạc sĩ	
1028	Hoàng Thị Nhung	27/04/1990	x	GV	Thạc sĩ	
1029	Phan Diệu Huyền	10/10/1991	x	GV	Thạc sĩ	
1030	Vũ Thị Hồng Vân	01/11/1981	x	GV	Thạc sĩ	
1031	Hoàng Việt Hà	05/02/1986	x	GV	Thạc sĩ	
1032	Bùi Thị Biển	04/01/1984	x	GV	Thạc sĩ	
1033	Phạm Ngọc Thanh Vân	13/06/1992	x	GV	Thạc sĩ	
1034	Nguyễn Thị Loan	25/06/1973	x	GV	Thạc sĩ	
1035	Vũ Thị Hồng Thoan	30/10/1981	x	GVTH	Đại học	
1036	Phạm Thị Châm	29/10/1988	x	GVTH	Đại học	
1037	Doãn Bích Ngọc	02/11/1989	x	GVTH	Đại học	
1038	Phạm Thị Thùy Ninh	23/07/1985	x	GVTH	Đại học	
1039	Trần Kiều Anh	14/11/1990	x	GV	Thạc sĩ	
1040	Nguyễn Thùy Trang	28/06/1990	x	GVTH	Đại học	
1041	Hoàng Thị Thủy	25/09/1990	x	GVTH	Đại học	
1042	Lại Thị Huế	28/01/1990	x	GVTH	Đại học	
1043	Hoàng Thanh An	03/05/1989	x	GVTH	Đại học	
1044	Hoàng Thị Dung	30/05/1990	x	GVTH	Đại học	
1045	Trịnh Thị Ngọc Hân	22/02/1987	x	GVTH	Đại học	
1046	Hồ Thị Hường	08/04/1991	x	GVTH	Đại học	
1047	Lương Ngọc Huyền	22/12/1991	x	GVTH	Đại học	
1048	Nguyễn Ngọc Thị Tình	13/06/1989	x	GVTH	Đại học	
1049	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	29/10/1991	x	GVTH	Đại học	
1050	Nguyễn Thị Thu Hà	11/10/1991	x	GVTH	Đại học	
1051	Nguyễn Thị Minh	13/05/1991	x	GVTH	Đại học	
1052	Trần Thị Thanh Huyền	10/02/1988	x	GVTH	Đại học	
1053	Trần Thị Tuyết Trinh	24/07/1993	x	GVTH	Đại học	
1054	Hoàng Thị Diệu Linh	21/01/1992	x	GVTH	Đại học	
1055	Ngô Thị Quỳnh	28/05/1990	x	GVTH	Đại học	
1056	Nguyễn Thị Minh Huyền	08/09/1993	x	GVTH	Đại học	
1057	Nguyễn Hà My	01/12/1993	x	GVTH	Đại học	
1058	Trần Thị Thùy Trang	03/03/1992	x	GVTH	Đại học	
1059	Nguyễn Thị Thu Trang	27/03/1992	x	GVTH	Đại học	
1060	Trần Mỹ Duyên	07/02/1993	x	GVTH	Đại học	
1061	Đỗ Thị Hoa	28/10/1993	x	GVTH	Đại học	
1062	Quách Thu Hương	25/03/1991	x	GV	Thạc sỹ	

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
1063	Lương Thị Thanh Thảo	24/05/1990	x	GV	Thạc sỹ	
1064	Nguyễn Thị Thơm	15/08/1992	x	GVTH	Đại học	
1065	Trần Việt Kiên	03/01/1989		GVTH	Đại học	
1066	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	21/01/1991	x	GVTH	Đại học	
1067	Đào Thị Mai Linh	01/04/1993	x	GVTH	Đại học	
1068	Phạm Thị Phương Anh	31/10/1993	x	GVTH	Đại học	
1069	Phạm Thị Huyền My	08/02/1992	x	GVTH	Đại học	
1070	Nguyễn Thị Huyền Trang	04/09/1993	x	GVTH	Đại học	
1071	Phạm Lệ Vân	14/08/1992	x	GVTH	Đại học	
1072	Đặng Thùy Linh	05/09/1993	x	GVTH	Đại học	
1073	Nguyễn Nhật Hạnh	24/01/1993	x	GVTH	Đại học	
1074	Ngọc Thùy Trang	27/06/1992	x	GVTH	Đại học	
1075	Lê Thị Liên	03/10/1993	x	GVTH	Đại học	
1076	Phạm Thị Nhài	12/09/1993	x	GVTH	Đại học	
1077	Lê Kim Hằng	24/10/1992	x	GVTH	Đại học	
1078	Nguyễn Thị Phương	01/10/1992	x	GVTH	Đại học	
1079	Nguyễn Thị Lan	10/07/1992	x	GV	Thạc sĩ	
1080	Nguyễn Thái Ninh	09/10/1990	x	GVTH	Đại học	
1081	Quàng Thị Bích Ngọc	17/02/1991	x	GV	Thạc sĩ	
1082	Phạm Thị Lan Hương	11/08/1991	x	GV	Thạc sĩ	
1083	Nguyễn Thị Nhung	29/07/1992	x	GVTH	Đại học	
1084	Nguyễn Tuấn Minh	07/02/1992		GVTH	Đại học	
1085	Nguyễn Thị Kim Dung	14/01/1991	x	GVTH	Đại học	
1086	Vũ Thị ánh Phượng	30/04/1994	x	GVTH	Đại học	
1087	Vũ Thị Phương Quỳnh	17/10/1994	x	GVTH	Đại học	
1088	Hoàng Phượng	04/05/1987	x	GVTH	Đại học	
1089	Vũ Thị Huế	09/04/1994	x	GVTH	Đại học	
1090	Nguyễn Thị Thanh Hằng	07/05/1994	x	GVTH	Đại học	
1091	Nguyễn Thị Thu Hương	06/01/1991	x	GVTH	Đại học	
1092	Lại Thị Diệu Thương	20/03/1994	x	GVTH	Đại học	
1093	Trần Thị Xuân	15/10/1990	x	GV	Thạc sĩ	
1094	Trần Thị ánh Tuyết	22/04/1992	x	GVTH	Đại học	
1095	Phạm Huyền Trang	13/12/1992	x	GVTH	Đại học	
1096	Vũ Thị Thu Hà	15/08/1993	x	GVTH	Đại học	
1097	Nguyễn Thị Hằng	02/11/1993	x	GVTH	Đại học	
1098	Ngô Phương Thanh	23/09/1991	x	GVTH	Đại học	
1099	Đỗ Trọng Hoàng	29/07/1993		GVTH	Đại học	
1100	Đào Thị Hoa	14/04/1993	x	GVTH	Đại học	
1101	Đinh Thị Tuyết Nhung	22/09/1993	x	GVTH	Đại học	
1102	Nguyễn Thị Phương	30/08/1994	x	GV	Thạc sĩ	
1103	Nguyễn Thị Thanh Mười	30/08/1991	x	GVTH	Đại học	
1104	Nguyễn Minh Quý	19/09/1993	x	GVTH	Đại học	
1105	Nguyễn Thị Hạnh	08/08/1993	x	GVTH	Đại học	

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Ngành chủ trì tham gia đào tạo
1106	Bùi Thúy Nga	16/09/1994	x	GVTH	Đại học	
1107	Lê Thị Hồng Nhung	21/09/1994	x	GVTH	Đại học	
1108	Lê Xuân Huyền	02/02/1979		GV	Thạc sĩ	
1109	Đỗ Huyền Cư	07/06/1977	x	GV	Thạc sĩ	
1110	Trịnh Thị Ngọc Trinh	26/06/1992		GV	Thạc sĩ	
1111	Nguyễn Thị Ngọc Bích	21/02/1979		GV	Thạc sĩ	

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2018

Hiệu trưởng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

Trần Đức Quý

Trưởng phòng TCHC

Nguyễn Văn Thiện

BỘ CÔNG THƯƠNG
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Biểu mẫu 20
(Ban hành theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2018 - 2019

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

TT	Khối ngành	Tỷ lệ sinh viên/giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	11.26
3	Khối ngành III	23.21
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	17.87
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	13.99

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Trần Đức Quý